

Số: 110/QĐ-CPO-TĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu CPO-TDA1-CQS-01: Tư vấn quản lý môi trường

Tiêu dự án: Xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển vùng đồng sông Cửu Long (TDA1)

Dự án: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (ICRSL)

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI

Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông Nghiệp và PTNT) về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi (Ban CPO);

Căn cứ Hiệp định tài trợ số Cr.5845-VN ký ngày 11/7/2016 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) cho dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (ICRSL);

Căn cứ các Luật của Quốc hội khóa XIII: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về việc Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 Quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 1770/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/5/2016 về việc Thành lập Ban Quản lý dự án ICRSL; số 1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long” (ICRSL) do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ; số 2718/QĐ-BNN-XD ngày 17/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) và phê duyệt Dự án

đầu tư, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu dự án Xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long; số 4222/QĐ-BNN-XD ngày 26/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục kè Vàm Xoáy và Hồ Gùi, tỉnh Cà Mau; số 708/QĐ-BNN-XD ngày 08/02/2021 về việc phê duyệt Dự toán chi phí gói thầu Tư vấn quản lý môi trường, TDA1, Dự án ICRSL;

Căn cứ các Quyết định của Trưởng ban Ban CPO: số 488/QĐ-CPO-TĐ ngày 29/12/2020 về việc Phê duyệt Đề cương, thư mời quan tâm, tiêu chí đánh giá; số 493/QĐ-CPO-TCHC ngày 30/12/2020 về việc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu; số 37/QĐ-CPO-TĐ ngày 05/02/2021 về việc Phê duyệt Danh sách ngắn và Hồ sơ mời nộp đề xuất gói thầu; số 48/QĐ-CPO-TĐ ngày 19/02/2021 về việc Phê duyệt điều chỉnh Đề cương, Hồ sơ mời nộp đề xuất và phê duyệt Dự toán gói thầu CPO-TDA1-CQS-01: Tư vấn quản lý môi trường, TDA1, Dự án ICRSL;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất của Tổ chuyên gia đấu thầu ngày 18/3/2021 về hồ sơ đề xuất của Liên danh Công ty cổ phần Phát triển dự án và Đầu tư PDI và Trung tâm hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 19/3/2021 giữa Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi và Liên danh Công ty cổ phần Phát triển dự án và Đầu tư PDI và Trung tâm hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững về Gói thầu CPO-TDA1-CQS-01: Tư vấn quản lý môi trường, TDA1, Dự án ICRSL;

Xét Tờ trình số 40/TTr-ICRSL ngày 26/3/2021 của Giám đốc Ban Quản lý dự án ICRSL v/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu CPO-TDA1-CQS-01: Tư vấn quản lý môi trường, TDA1, Dự án ICRSL;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thẩm định chế độ, Dự toán tại Báo cáo Thẩm định số 67/BC-CPO-TĐ ngày 26/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu CPO-TDA1-CQS-01: Tư vấn quản lý môi trường, TDA1, Dự án ICRSL với các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: CPO-TDA1-CQS-01: Tư vấn quản lý môi trường.
2. Tên nhà thầu trúng thầu: Liên danh Công ty cổ phần Phát triển dự án và Đầu tư PDI và Trung tâm hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững.
3. Giá trúng thầu: 1.534.693.000 đồng (chi tiết xem phụ lục kèm theo)
(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn./.)
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 18 tháng.
6. Nguồn vốn: Vốn vay Ngân hàng Thế giới (Phê duyệt tại Quyết định số 4222/QĐ-BNN-XD của Bộ Nông Nghiệp và PTNT ngày 26/10/2020).

Điều 2. Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án ICRSL chủ trì tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà Tài trợ.

Điều 3. Trưởng các Phòng; Giám đốc Ban quản lý Dự án ICRSL; Nhà thầu trúng thầu tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục QLXDCT (đề b/c);
- Kho bạc Nhà nước (nơi giao dịch);
- Lưu: CPO, TĐ (NLT.08b).



TRƯỞNG BAN

Phạm Đình Văn

PHỤ LỤC: GIÁ TRỊ TRÚNG THÀU

Gói thầu CPO-TDA1-CQS-01: Tư vấn quản lý môi trường

Tiểu dự án: Xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển vùng đồng sông Cửu Long

Dự án: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (ICRSL)

Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-CPO-TĐ ngày 26/3/2021 của Trưởng ban Ban CPO

TT	Nội dung	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Thù lao chuyên gia	405.000.000	Bảng 1
2	Chi phí hoàn trả	990.176.000	Bảng 2
3	Thuế giá trị gia tăng [10%*(1+2)]	139.517.600	
4	Tổng (1+2+3)	1.534.693.600	
5	Làm tròn	1.534.693.000	

Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn./.

Ghi chú:

Giá trị trên đã bao gồm thuế và các loại phí ./.



Bảng 1: Thù lao thù lao

STT	Tên	Vị trí	Thù lao cho tháng công (đồng)	Địa điểm làm việc	Thời gian đầu vào (Tháng công)	Nội tệ (đồng)
CHUYÊN GIA CHÍNH						
K-1	Hoàng Bảo Phú	Đội trưởng /Chuyên gia Môi trường	30,000,000	Văn phòng	1.38	41,538,462
K-2	Bùi Quốc Nguyên	Chuyên gia Môi trường	22,000,000	Thực địa	1.62	48,461,538
K-3	Nguyễn Thị Thoa	Chuyên gia Sinh thái	22,000,000	Thực địa	1.62	30,461,538
K-4	Vũ Văn Hồng	Chuyên gia Thủy lợi	22,000,000	Thực địa	1.62	35,538,462
CHUYÊN GIA PHỤ (CÁN BỘ HỖ TRỢ)						
N-1	Lê Phước Tâm	Cán bộ hỗ trợ	12,000,000	{Văn phòng}	1.38	16,615,385
N-2	Lê Nguyễn Hồng Hạnh	Cán bộ hỗ trợ	12,000,000	{Thực địa}	1.62	19,384,615
N-3	Lê Thị Kim Phượng	Cán bộ hỗ trợ	12,000,000	{Văn phòng}	1.38	16,615,385
	Tổng chi phí chuyên gia				21.00	405,000,000

Bảng 2: Chi phí hoàn trả

TT	Loại chi phí hoàn trả	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi phí công tác giám sát				473,400,000	
1	Tiền vé máy bay 7 Chuyên gia và cán bộ hỗ trợ từ Hà Nội vào x 6 đợt giám sát, 2 lượt mỗi đợt	Vé/lượt	84	2,700,000	226,800,000	
2	Thuê xe đi khảo sát, lập các báo cáo 1 xe: Trong đó (6 đợt x 7 ngày/đợt)	Ngày xe	42	1,500,000	63,000,000	
3	Thuê xe máy đi khảo sát hiện trường dự án 7 người x 6 đợt x 7 ngày/đợt	Ngày xe	294	100,000	29,400,000	
5	Phòng nghỉ cho 7 người x 6 đợt x 7 đêm/đợt	Người - đêm	294	300,000	88,200,000	
6	Chi phí hoạt động văn phòng (thông tin liên lạc, văn phòng phẩm...).	tháng	18	1,500,000	27,000,000	
7	In ấn tài liệu (Báo cáo khởi đầu + 6 Báo cáo giám sát định kỳ + 1 báo cáo Cuối cùng): 10 bản (5 bản tiếng anh + 5 bản tiếng việt) x 8 báo cáo	Cuốn	80	150,000	12,000,000	
8	Chi phí tổ chức Họp tham vấn cộng đồng, các bên liên quan (tiền thuê hội trường, nước uống, tài liệu phục vụ họp...): 6 đợt x 3 Tỉnh/đợt					
	Thuê hội trường	Cuộc	18	500,000	9,000,000	
	Nước uống	Cuộc	18	500,000	9,000,000	
	Tài liệu, Văn phòng phẩm	Cuộc	18	500,000	9,000,000	
II	Quan trắc môi trường				516,776,000	
1	Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn, độ rung tại 4 vị trí kê song (15 tháng thi công x 3 tháng/đợt) + tại 6 vị trí kê biên (18 tháng thi công x 3 tháng/đợt);(tổng số mẫu = 4x5+6x6=56 mẫu)				110,096,000	
	Bụi	Chỉ tiêu	56	287,000	16,072,000	
	Độ ồn	Chỉ tiêu	56	160,000	8,960,000	
	Rung	Chỉ tiêu	56	146,000	8,176,000	
	CO	Chỉ tiêu	56	465,000	26,040,000	
	SO ₂	Chỉ tiêu	56	459,000	25,704,000	
	NO ₂	Chỉ tiêu	56	449,000	25,144,000	

TT	Loại chi phí hoàn trả	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2	Quan trắc và Phân tích nước biển ven bờ tại 4 vị trí kè sông (15 tháng thi công x 3 tháng/đợt) + tại 6 vị trí kè biển (18 tháng thi công x 3 tháng/đợt); (tổng số mẫu = 4 x 5+6 x 6=56 mẫu)				175,784,000	
	pH	Chỉ tiêu	56	131,000	7,336,000	
	DO	Chỉ tiêu	56	158,000	8,848,000	
	TSS	Chỉ tiêu	56	141,000	7,896,000	
	BOD ₅	Chỉ tiêu	56	319,000	17,864,000	
	Dầu mỡ	Chỉ tiêu	56	1,046,000	58,576,000	
	Độ đục	Chỉ tiêu	56	118,000	6,608,000	
	Độ mặn	Chỉ tiêu	56	125,000	7,000,000	
	Coliform	Chỉ tiêu	56	488,000	27,328,000	
	Động vật thủy sinh	Chỉ tiêu	56	613,000	34,328,000	
	3	Quan trắc và Phân tích mẫu trầm tích biển (2 vị trí tuyến kè bảo vệ sông chống tràn, 4 vị trí kè biển, 4 vị trí nạo vét tuyến luồng phục vụ thi công)				224,896,000
pH		Chỉ tiêu	56	353,000	19,768,000	
Cu		Chỉ tiêu	56	548,000	30,688,000	
Pb		Chỉ tiêu	56	601,000	33,656,000	
Zn		Chỉ tiêu	56	548,000	30,688,000	
Cd		Chỉ tiêu	56	601,000	33,656,000	
As		Chỉ tiêu	56	684,000	38,304,000	
Độ mặn		Chỉ tiêu	56	86,000	4,816,000	
Dầu mỡ		Chỉ tiêu	56	595,000	33,320,000	
Giám sát lưu lượng nước và độ bồi lắng sau công trình do bấy bùn cát (05 vị trí kè biển – lấy 3 lần)		Lần	15	200,000	3,000,000	
Giám sát xói lở kè bờ sông/kè giám sóng (05 vị trí kè biển/sông – lấy 3 lần)		Lần	15	200,000	3,000,000	
Tổng cộng					990,176,000	